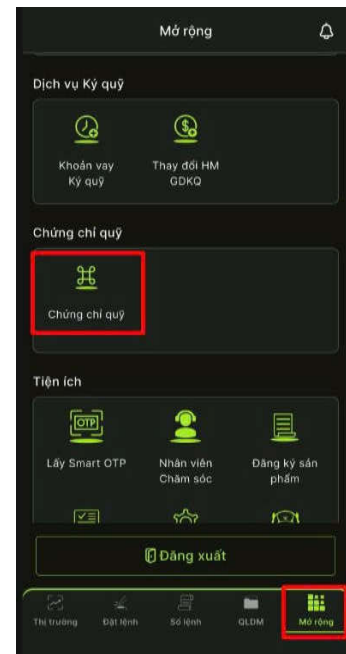


MỤC LỤC

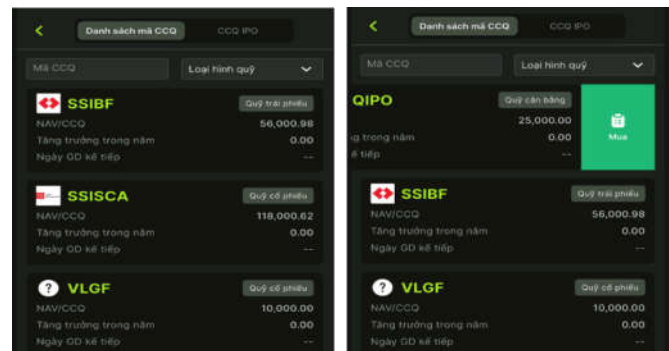
1. Danh mục Chứng chỉ quỹ	2
2. Đặt lệnh	3
2.1. Lệnh mua thường	3
2.2. Lệnh mua SIP	4
2.3. Lệnh bán	6
2.4. Lệnh chuyển đổi	7
3. Sổ lệnh thường	8
4. Sổ lệnh SIP	10
5. Lịch sử lệnh CCQ	12
6. Danh mục tài sản CCQ	13
6.1. Thông tin tài sản cơ sở	13
6.2. Danh mục đầu tư	13
6.3. Phân bổ danh mục	14
7. Xác nhận lệnh	14
8. Lãi lỗ thực hiện CCQ	15

1. Danh mục Chứng chỉ quỹ

- Đường dẫn: Mở rộng/Chứng chỉ quỹ/Danh sách mã CCQ
- Mục đích: Hiển thị danh sách các mã CCQ được ACBS phân phối. Có chức năng đặt lệnh mua từ danh mục CCQ



- Vuốt sang phải tại CCQ để đặt lệnh mua nhanh



2. Đặt lệnh

- Đường dẫn: Mở rộng/Chứng chỉ quỹ/ Đặt lệnh
- Mục đích: Nhập thông tin lệnh mua/bán/chuyển đổi chứng chỉ quỹ để giao dịch
- Hướng dẫn thực hiện:

2.1. Lệnh mua thường

(1) Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán.

Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn. Sau khi chọn mã CCQ màn hình sẽ hiển thị các thông tin: Tên mã quỹ, giá NAV tham chiếu

(2) Chọn loại lệnh Mua

(3) Chọn chương trình Thường

(4) Nhập số tiền tại Giá trị mua

- Hiển thị các thông tin dự kiến và sức mua:
 - Số lượng CCQ dự kiến nhận: (Giá trị mua – Phí mua)/ NAV tham chiếu
 - Phí mua dự kiến: Giá trị mua x tỷ lệ phí mua
 - Sức mua: hiển thị theo thông tin của tài khoản được chọn

(5) Nhấn nút **Mua** để đặt lệnh

(6) Xác nhận lệnh tổng hợp thông tin mua đã nhập

- Các thông tin hiển thị gồm:
 - Tên form: Xác nhận lệnh mua
 - Số tài khoản: số tiểu khoản 006Cxxxxxx.40

The screenshot shows the 'Đặt lệnh CCQ' screen in the ACBS SMART app. At the top, there are tabs for 'Đặt lệnh CCQ', 'Số lệnh', and 'SL SIP'. Below the tabs, there's a search bar with 'SSISCA' entered and a red '1' next to it. Below the search bar, there's a dropdown menu with 'SSISCA -' and a red '2' next to it. There are three buttons: 'Mua' (highlighted in green), 'Bán', and 'Chuyển đổi'. Below these buttons, there's a section for 'Loại giao dịch' with three options: 'Thường' (selected with a green checkmark and a red '3'), 'SIP', and 'SIP'. Below this, there are fields for 'Tiểu khoản' (006C078688.Q0), 'NAV tham chiếu' (118,000.62), 'Phiên giao dịch' (21/01/2026), and 'Giá trị mua' (100,000 with a red '4' next to it). Below the 'Giá trị mua' field, there's a red note '(Min: 100,000đ)'. Below this, there's a field for 'Số lượng CCQ dự kiến' (0.84). At the bottom, there's a section for 'Phí mua dự kiến' (500) and 'Sức mua' (998,725,443,658). At the very bottom, there's a green button labeled 'Xác nhận' with a red '5' next to it.

- Loại lệnh: Mua
 - Chương trình : Thường
 - Mã CCQ
 - Phiên giao dịch
 - Giá trị mua
 - Số lượng CCQ dự kiến
 - Phí mua dự kiến
 - Tổng số tiền cần thanh toán
- Nhấn nút **Hủy**: Đóng màn hình xác nhận
 - Nhấn nút **Xác nhận**: Bật hộp thoại Xác thực mã pin

(7) Nhập mã pin

2.2. Lệnh mua SIP

(1) Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán.

Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn. Sau khi chọn mã CCQ màn hình sẽ hiển thị các thông tin : Tên mã quỹ, giá NAV tham chiếu

(2) Chọn loại lệnh Mua

(3) Chọn chương trình SIP

(4) Chọn Tần suất đầu tư

(5) Nhập số tiền tại Giá trị mua

- Hiển thị các thông tin dự kiến và sức mua:

- Số lượng CCQ dự kiến nhận: (Giá trị mua – Phí mua)/ NAV tham chiếu
- Phí mua dự kiến: Giá trị mua x tỷ lệ phí mua
- Sức mua: hiển thị theo thông tin của tài khoản được chọn

(6) Nhấn nút **Mua** để đặt lệnh

(7) Xác nhận lệnh tổng hợp thông tin mua đã nhập

- Các thông tin hiển thị gồm:
 - Tên form: Xác nhận lệnh MUA
 - Số tài khoản: số tiểu khoản 006Cxxxxxx.40
 - Loại lệnh: Mua
 - Chương trình: SIP
 - Mã CCQ
 - Phiên giao dịch
 - Đầu tư
 - Giá trị mua
 - Số lượng CCQ dự kiến
 - Phí mua dự kiến
 - Tổng số tiền cần thanh toán
- Nhấn nút **Hủy**: Đóng màn hình xác nhận
- Nhấn nút **Xác nhận**: Bật hộp thoại Xác thực mã pin

(8) Nhập mã pin

Xác nhận lệnh MUA	
Tài khoản	006C078688.Q0
Loại lệnh	MUA
Chương trình	SIP
Mã CCQ	SSISCA
Phiên giao dịch	20/01/2026
Đầu tư	2 Tuần
Giá trị mua	100,000
Số lượng CCQ dự kiến	0.84
Phí mua dự kiến	500
Tổng tiền thanh toán: 100,000 VND	
Hủy XÁC NHẬN	

Nhập mã PIN

1 [] [] [] [] []

Lấy mã Smart OTP

2.3. Lệnh bán

(1) Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn. Sau khi chọn mã CCQ màn hình sẽ hiển thị các thông tin: Tên mã quỹ, giá NAV tham chiếu

(2) Chọn loại lệnh Bán

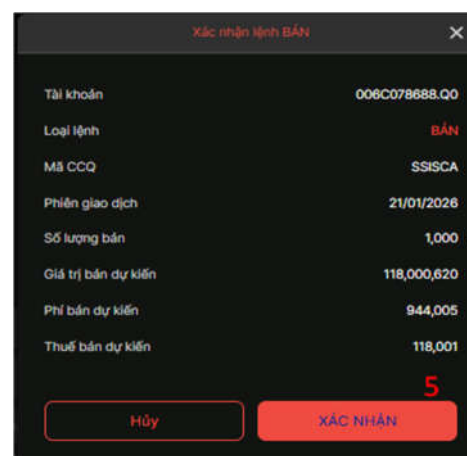
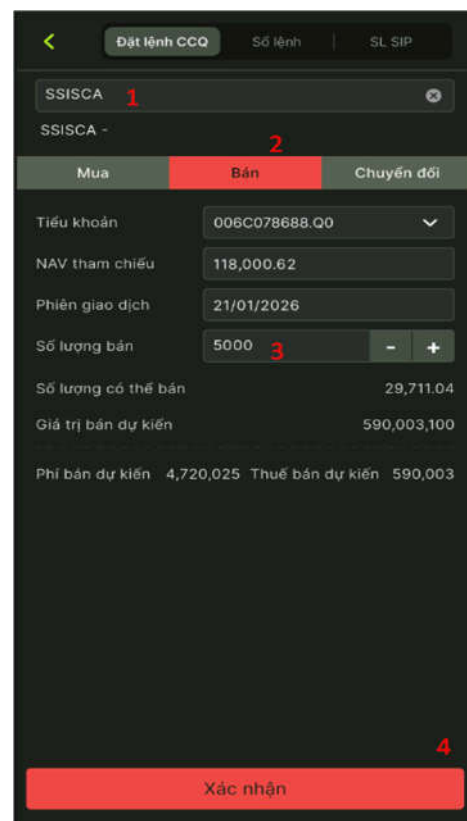
(3) Nhập số lượng bán

- Hiển thị số lượng có thể bán và thông tin dự kiến:
 - Giá trị bán dự kiến: Số lượng bán x NAV tham chiếu
 - Phí bán dự kiến: Giá trị bán x tỷ lệ phí bán
 - Thuế bán dự kiến: Giá trị bán x tỷ lệ thuế bán

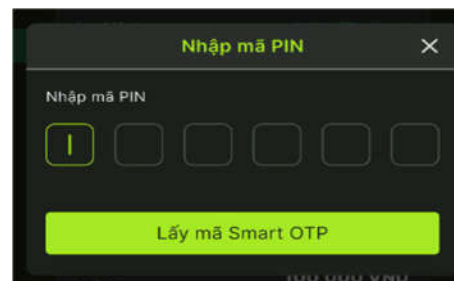
(4) Nhấn nút Đặt lệnh

(5) Xác nhận lệnh tổng hợp thông tin bán đã nhập

- Các thông tin hiển thị gồm:
 - Tên form: Xác nhận lệnh BÁN
 - Số tài khoản: Số tiểu khoản 006Cxxxxxx.40
 - Loại lệnh: Bán
 - Mã CCQ
 - Phiên giao dịch
 - Số lượng bán



- Giá trị bán dự kiến
- Phí bán dự kiến
- Thuế bán dự kiến
- Nhấn nút **Hủy**: Đóng màn hình xác nhận
- Nhấn nút **Xác nhận**: Bật hộp thoại Xác thực mã pin



(6) Nhập mã pin

2.4. Lệnh chuyển đổi

- (1) Nhấn vào ô tìm kiếm để chọn mã chứng khoán. Ô tìm kiếm cho phép nhập giá trị và hiển thị danh sách mã chứng khoán gợi ý cho phép chọn. Sau khi chọn mã CCQ màn hình sẽ hiển thị các thông tin: Tên mã quỹ, giá NAV tham chiếu

- (2) Chọn loại lệnh Chuyển đổi

- (3) Nhập số lượng bán

- (4) Chọn mã CCQ chuyển đổi

- Hiển thị số lượng có thể chuyển đổi và phí chuyển đổi dự kiến

- (5) Nhấn nút Chuyển đổi để đặt lệnh

- (6) Xác nhận lệnh tổng hợp thông tin chuyển đổi đã nhập

- Các thông tin hiển thị gồm:
 - Tên form: Xác nhận lệnh Chuyển đổi
 - Số tài khoản: số tiểu khoản 006Cxxxxxx.40



- Loại lệnh: Chuyển đổi
 - Mã CCQ
 - Phiên giao dịch
 - Mã CCQ chuyển đổi
 - Số lượng CD
 - Phí CD dự kiến
- Nhấn nút Hủy: Đóng màn hình xác nhận
 - Nhấn nút Xác nhận: Bật hộp thoại Xác thực mã pin

(7) Nhập mã pin

3. Sổ lệnh thường

- Đường dẫn: Mở rộng/ Chứng chỉ quỹ/ Đặt lệnh/Sổ lệnh
- Mục đích: Hiển thị thông tin các lệnh đã đặt theo các ngày giao dịch khác nhau.

- Các bộ lọc gồm:
 - Mã CCQ: Hiển thị danh sách mã chứng chỉ quỹ có trong sổ lệnh. Giúp lọc nhanh các lệnh theo mã chứng chỉ quỹ được tích chọn. Giá trị mặc định ban đầu: tìm kiếm theo tất cả
 - Loại lệnh: gồm Tất cả, Mua, Bán, Chuyển đổi; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả

Mã/Chương trình	Loại/TT	GT mua (x1000đ)	SL Đơn	Ngày GD/ Mã CB
SSISCA Thường	Bán Chờ xử lý	0	57.9	20/01/2026 ---
CCQIPO Thường	Mua IPO Chờ xử lý	2,000	0	16/01/2026 ---
SSISCA Thường	Bán Đã hủy	0	29,576	19/01/2026 ---
SSISCA Thường	Bán Đã hủy	0	29,750.91	19/01/2026 ---
SSISCA Thường	Mua Đang xử lý	2,840	0	19/01/2026 ---
SSISCA Sip	Mua Hoàn thành	1,111	0	16/01/2026 ---
SSISCA Sip	Mua Hoàn thành	200	0	16/01/2026 ---
SSISCA Thường	Mua Đã hủy	256	0	16/01/2026 ---
SSISCA	Mua	100	0	15/01/2026

- Chương trình: gồm Tất cả, Thường, Sip; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả
 - Phiên giao dịch: Cho phép xem chi tiết từng phiên giao dịch
 - Trạng thái: gồm Tất cả, Chờ xử lý, Đang xử lý, Đã xử lý, Từ chối, Không thành công, Đã hủy; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả.
- Các thông tin hiển thị gồm:
- Mã/ Chương trình
 - Loại/ Trạng thái
 - Giá trị đặt mua
 - Số lượng đặt bán
 - Ngày giao dịch/Mã chuyển đổi
- Nhấn trên dòng thông tin CCQ để xem chi tiết thông tin lệnh đặt:
- Hủy lệnh:
- Cho phép thực hiện hủy lệnh đối với các lệnh đang ở trạng thái chờ xử lý
 - Thao tác thực hiện:
 - (1) Vuốt sang phải lệnh muốn hủy → nhấn nút Hủy
 - (2) Nhập mã pin

Mã/Chương trình	Loại/TT	GT mua (x1000đ)	SL Đặt	Ngày GD/Mã CD
SSISCA Thường	Bán	0	57.9	20/01/2026
CCQIPO Thường	Mua IPO	2,000	0	16/01/2026
SSISCA Thường	Bán	0	29,576	19/01/2026
SSISCA Thường	Bán	0	29,750	19/01/2026
SSISCA Thường	Mua	2,840	0	19/01/2026
SSISCA Sip	Mua	1,111	0	16/01/2026
SSISCA Sip	Mua	200	0	16/01/2026
SSISCA	Mua	256	0	16/01/2026

4. Sổ lệnh SIP

- Đường dẫn: Mở rộng/ Chứng chỉ quỹ/ Đặt lệnh/Sổ lệnh SIP
- Mục đích: Hiển thị thông tin các lệnh SIP đã đặt. Cho phép tra cứu chi tiết các kỳ thực hiện SIP

- Các bộ lọc gồm:

- Mã CCQ: Hiển thị danh sách mã chứng chỉ quỹ có trong sổ lệnh Sip. Giúp lọc nhanh các lệnh theo mã chứng chỉ quỹ được tích chọn. Giá trị mặc định ban đầu: tìm kiếm theo “Tất cả”
- Trạng thái: gồm Tất cả, Hiệu lực, Đã dừng, Đã hủy; mặc định giá trị ban đầu là “Tất cả”

- Các thông tin hiển thị:

- Mã CCQ/Trạng thái
- Đầu tư
- Tiền đầu tư định kỳ
- Ngày đặt lệnh tiếp theo

Mã CCQ/ Trạng thái	Đầu tư	Tiền đầu tư định kỳ	Ngày đặt lệnh tiếp theo
SSISCA Hiệu lực	1 Tuần	1,111,111	29/01/2026
SSISCA Hiệu lực	1 Tuần	200,000	29/01/2026
DCDS Hiệu lực	Hàng tháng	200,000	09/04/2026
SSISCA Hiệu lực	Hàng tháng	100,000	09/04/2026
SSISCA Hiệu lực	1 Tuần	780,740	28/01/2026
SSISCA Đã hủy	Hàng tháng	901,000	09/02/2026
SSISCA Hiệu lực	1 Tuần	213,000	28/01/2026
SSISCA Hiệu lực	1 Tuần	50,000,000	21/01/2026
SSISCA Hiệu lực	2 Tuần	2,000,000	06/02/2026
SSISCA Đã hủy	Hàng tháng	5,000,000	25/01/2026

- Nhấn trên dòng hợp đồng SIP sẽ hiển thị đầy đủ chi tiết thông tin lệnh SIP:

- Mã CCQ
- Chương trình
- Đầu tư
- Số tiền đầu tư định kỳ
- Ngày đặt lệnh tiếp theo
- Ngày kết thúc
- Số tiền đã đầu tư
- Số kỳ đã đầu tư
- Số kỳ liên tục không tham gia
- Thời gian đặt
- Trạng thái
- Nút "Xem chi tiết lịch sử các kỳ". Nhấn vào sẽ hiển thị chi tiết các kỳ thực hiện SIP

Chi tiết lệnh SSISCA

Mã CCQ	SSISCA
Chương trình	Linh hoạt
Đầu tư	1 Tuần
Số tiền đầu tư định kỳ	200,000
Ngày đặt lệnh tiếp theo	29/01/2026
Ngày kết thúc	
Số tiền đã đầu tư	400,000
Số kỳ đã đầu tư	2
Số kỳ liên tục không tham gia	0
Thời gian đặt	
Trạng thái	Đã đặt lệnh

Xem lịch sử các kỳ

Chi tiết lệnh SSISCA

Mã CCQ/ Kỳ	Ngày đặt lệnh/ Giá NAV	Giá trị đầu tư/ Phu	Trạng thái/ Số lượng
SSISCA	08/01/2026	200,000	Đã đặt lệnh
1	0	0	0
SSISCA	15/01/2026	200,000	Đã đặt lệnh
2	0	0	0

- Hủy lệnh:
 - Cho phép hủy lệnh SIP
 - Thao tác thực hiện:
 - (1) Vuốt sang phải lệnh muốn hủy -> Nhấn nút hủy
 - (2) Nhập mã pin

Dặt lệnh CCQ | Số lệnh: SL SIP

Mã CCQ	Trạng thái
Mã CCQ/ Trạng thái	Đầu tư
	Tiền đầu tư định kỳ
	Ngày đặt lệnh tiếp theo
1 Tuần	1,111,111
05/02/2026	Hủy
SSISCA	1 Tuần
Hiệu lực	200,000
05/02/2026	
DCDS	Hàng tháng
Hiệu lực	200,000
09/05/2026	
SSISCA	Hàng tháng
Hiệu lực	100,000
09/05/2026	
SSISCA	1 Tuần
Hiệu lực	780,740
04/02/2026	
SSISCA	Hàng tháng
Hiệu lực	901,000
09/02/2026	
Đã hủy	

5. Lịch sử lệnh CCQ

- Đường dẫn: Mở rộng/Chứng chỉ quỹ/Lịch sử lệnh CCQ
- Mục đích: cho phép người dùng xem lịch sử đặt lệnh CCQ
- Các bộ lọc:
 - Loại lệnh: gồm Tất cả, Mua, Bán, Chuyển đổi; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả
 - Chương trình: gồm Tất cả, Thường, Sip; mặc định giá trị ban đầu là Tất cả
 - Phiên giao dịch: ừ ngày đến ngày
 - Trạng thái: mặc định ban đầu hiển thị tất cả
- Các thông tin hiển thị gồm:
 - Mã/Chương trình
 - Loại/Trạng thái
 - Giá trị đặt mua
 - Số lượng đặt bán
 - Ngày giao dịch/Mã chuyển đổi
- Nhấn trên dòng thông tin CCQ để xem chi tiết thông tin lệnh:

Mã/Chương trình	Loại/TT	OT mua (x100000)	SL Đặt	Ngày GD/Mã CD
SSISCA	Bán	0	57.9	20/01/2026
Thường	Chờ xử lý			
CCOIPO	Mua IPO	2,000	0	16/01/2026
Thường	Chờ xử lý			
SSISCA	Bán	0	29,576	19/01/2026
Thường	Đã hủy			
SSISCA	Bán	0	29,750	19/01/2026
Thường	Đã hủy		.91	
SSISCA	Mua	2,840	0	19/01/2026
Thường	Đang xử lý			
SSISCA	Mua	1,111	0	16/01/2026
Sip	Hoàn thành			
SSISCA	Mua	200	0	16/01/2026
Sip	Hoàn thành			
SSISCA	Mua	256	0	16/01/2026
Thường	Đã hủy			
SSISCA	Mua	100	0	15/01/2026
Fin	Đã hủy			

Mã/Chương trình	Loại/TT	OT mua (x100000)	SL Đặt	Ngày GD/Mã CD
SSISCA	Bán	0	57.9	20/01/2026
Thường	Chờ xử lý			
CCOIPO	Mua IPO	2,000	0	16/01/2026
Thường	Chờ xử lý			
SSISCA	Bán	0	29,576	19/01/2026
Thường	Đã hủy			
SSISCA	Bán	0	29,750	19/01/2026
Thường	Đã hủy		.91	
SSISCA	Mua	2,840	0	19/01/2026
Thường	Đang xử lý			
SSISCA	Mua	1,111	0	16/01/2026
Sip	Hoàn thành			
SSISCA	Mua	200	0	16/01/2026
Sip	Hoàn thành			
SSISCA	Mua	256	0	16/01/2026
Thường	Đã hủy			
SSISCA	Mua	100	0	15/01/2026
Fin	Đã hủy			

6. Danh mục tài sản CCQ

- Đường dẫn: Mở rộng/Chứng chỉ quỹ/ Tài sản Chứng chỉ quỹ
- Mục đích: cho phép người dùng theo dõi danh mục CCQ sở hữu hiện tại

6.1. Thông tin tài sản cơ sở

- Thông tin hiển thị gồm:
 - Giá trị danh mục
 - Giá trị đầu tư
 - Tổng lãi lỗ
 - Lãi lỗ tạm tính
 - Sức mua

Tài sản Chứng chỉ quỹ

Tiểu khoản: 006C078688.Q0

Giá trị đầu tư: 2,974,054,117

Giá trị danh mục: 3,458,522,652

Tổng tài sản: 484,714,536

Lãi lỗ tạm tính: 484,468,535 (16.29%)

Sức mua: 998,725,443,658

Lãi lỗ đã thực hiện: 19/01/2026 18:16

Danh mục đầu tư

MÃ CCQ	TỔNG CỐ THỂ BÁN	GIÁ TT GIÁ VỐN	QT LÃI LỖ (%)
SSISCA	29,309.36 29,251.46	118,000.62 101,471.14	3,458,522,652 484,468,535 (16.29%)

6.2. Danh mục đầu tư

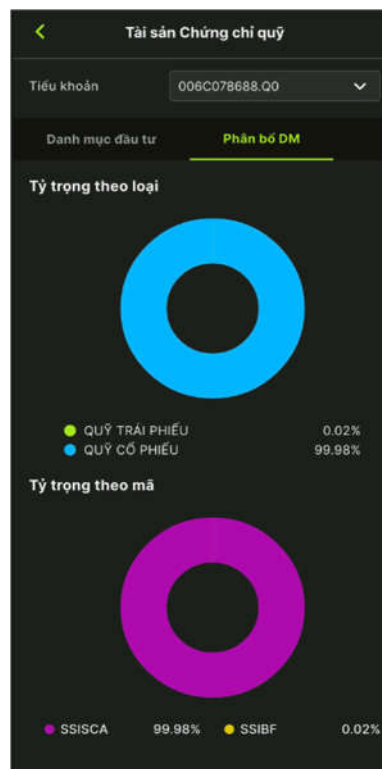
- Mục đích: Danh mục CCQ tập hợp tài sản CCQ do NĐT nắm giữ.
- Các thông tin bao gồm:
 - Mã CCQ
 - Tổng/ Cổ thể bán
 - Giá NAV TT/Giá NAV vốn
 - Giá trị thị trường/ Lãi lỗ/ % Lãi lỗ
 - Giá trị thị trường/ Giá trị vốn
- Nhấn trên dòng thông tin CCQ sở hữu để xem chi tiết thông tin các lô chứng chỉ quỹ đã mua theo từng quỹ.

Tài sản Chứng chỉ quỹ

SỐ LƯỢNG	NAV	GIÁ TRỊ VỐN	THÁNG NĂM GIỮ
103.19	91,000.25	9,390,316	0.64
8,460.79	98,123.63	830,203,427	0.45
9,413.98	98,200.00	924,452,836	0.41
674.76	05,000.00	70,849,800	0.38
10,518.63	107,000.12	1,125,494,672	0.35

6.3. Phân bổ danh mục

- Hiển thị 2 đồ thị:
 - Đồ thị tỷ trọng loại quỹ: Biểu diễn tỷ lệ của loại hình quỹ đang đầu tư
 - Đồ thị tỷ trọng theo mã CCQ: Biểu diễn tỷ lệ của từng mã CCQ



7. Xác nhận lệnh

- Đường dẫn: Mở rộng/Chứng chỉ quỹ/Xác nhận lệnh
- Mục đích: Cung cấp chức năng cho khách hàng xác nhận lệnh online thay cho việc ký phiếu lệnh tại quầy giao dịch
- Các bước thực hiện:
 - (1) Chọn biểu tượng
 - (2) Chọn lệnh cần xác nhận
 - (3) Nhấn **"Xác nhận lệnh"**

Xác nhận lệnh CCQ

Tiểu khoản: 006C078688.Q0

13/01/2026 - 20/01/2026

MÃ CCQ	LOẠI GD	GT MUA (X10000) KHỐI LƯỢNG
CCQ IPO	Mua IPO	2,000.00
20260118004243	16/01/2026	0.00

Xác nhận

8. Lãi lỗ thực hiện CCQ

- Đường dẫn: Mở rộng/ Chứng chỉ quỹ/ Lãi lỗ thực hiện CCQ
- Mục đích: Tổng hợp thông tin lãi lỗ của tiểu khoản CCQ

Mã	Ngày GD	Khối lượng	Giá NAV ban đầu NAV cũ	Lãi/Lỗ %Lãi/Lỗ
SSISCA	09/01/2026	10	107,000.12 91,000.25	115,721 12.72%
SSISCA	14/01/2026	11	118,000.60 91,000.25	130,279 13.61%
SSISCA	16/01/2026	0	118.00 0.00	0 0%
Tổng cộng				246,001 13.17%